

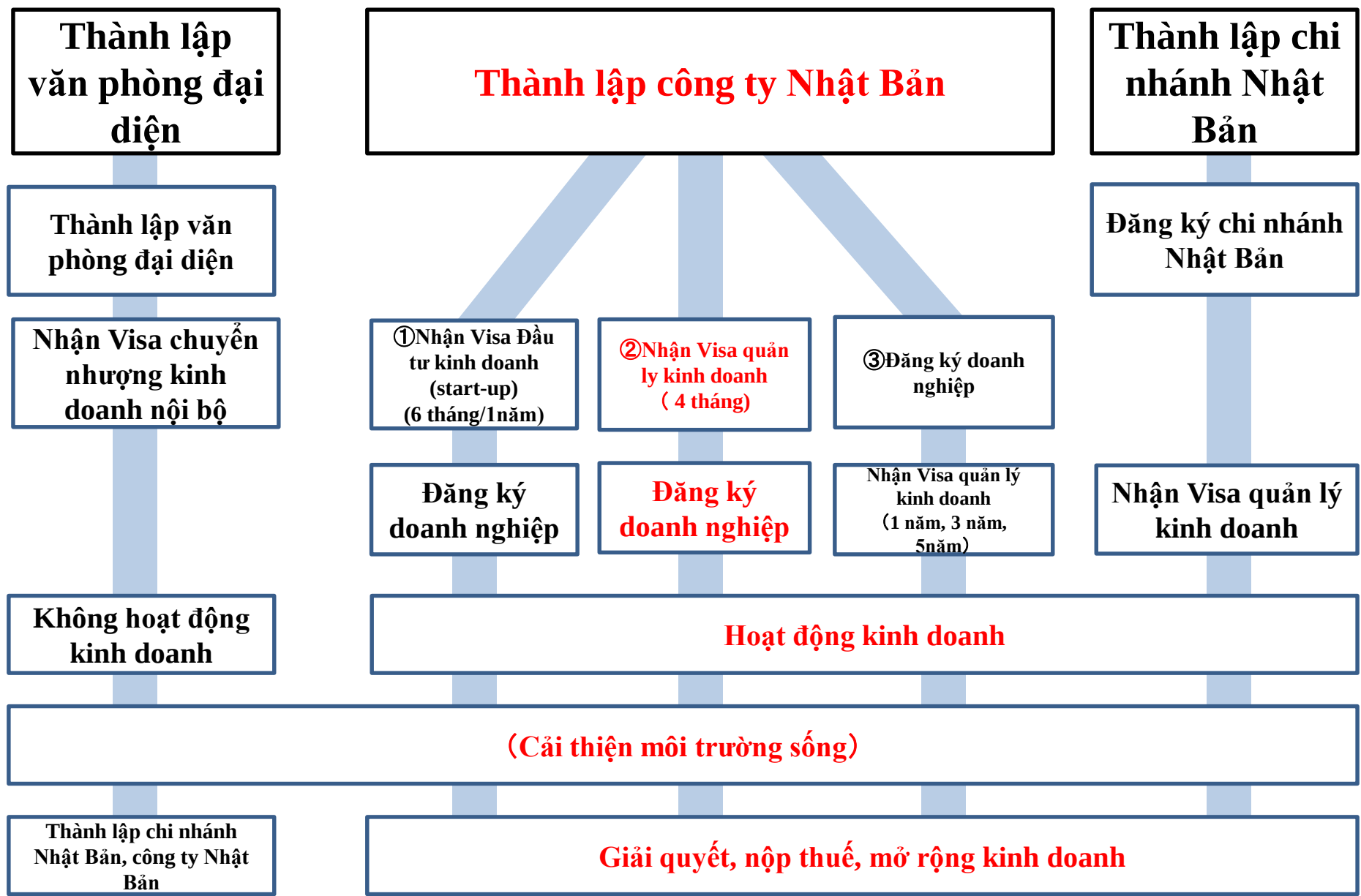
Global Startup City FUKUOKA



Các hình thức đầu tư vào Nhật Bản

	Văn phòng đại diện	Chi nhánh (Chi nhánh của công ty nước ngoài tại Nhật)	Thành lập công ty cổ phần (Công ty Nhật Bản)
Phạm vi hoạt động	Có giới hạn ※Hoạt động kinh doanh:NG	Không giới hạn	Không giới hạn
Đăng ký	không cần thiết	cần thiết	cần thiết
Vốn điều lệ	Không cần thiết	Không cần thiết	1 yên trở lên ※ Doanh nghiệp nước ngoài thường có vốn trên 5 triệu yên.
Người đại diện	Không qui định	Ít nhất 1 trong những người đại diện ở Nhật Bản phải có địa chỉ cư trú và sinh sống tại Nhật Bản.	Ít nhất 1 người phải có địa chỉ cư trú tại Nhật Bản nhưng không cần phải là đại diện của hội đồng thành viên.
Hội đồng quản trị	Không cần thiết	Không cần thiết	Ít nhất 1 người
Kiểm soát viên	Không cần thiết	Không cần thiết	1 người trở lên(nếu có)
Mối quan hệ giữa người đại diện và chủ đầu tư	Không qui định	Không qui định	Người đại diện và chủ đầu tư không nhất thiết phải là 1 người
Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với chủ nợ của công ty	Không qui định	Không qui định	Trách nhiệm được giới hạn trong số tiền đầu tư

Trình tự các bước công ty nước ngoài đầu tư tại Fukuoka



Visa quản lý kinh doanh

Trường hợp muốn trở thành đại diện của chi nhánh Nhật Bản, thành viên hội đồng quản trị, đại diện công ty Nhật Bản thì cần phải có Visa quản lý kinh doanh.

【Yêu cầu để xin Visa quản lý kinh doanh】

Thành lập văn phòng

Đảm bảo được cơ sở vật chất (văn phòng, cửa hàng) cần thiết cho mục đích kinh doanh tại Nhật Bản.



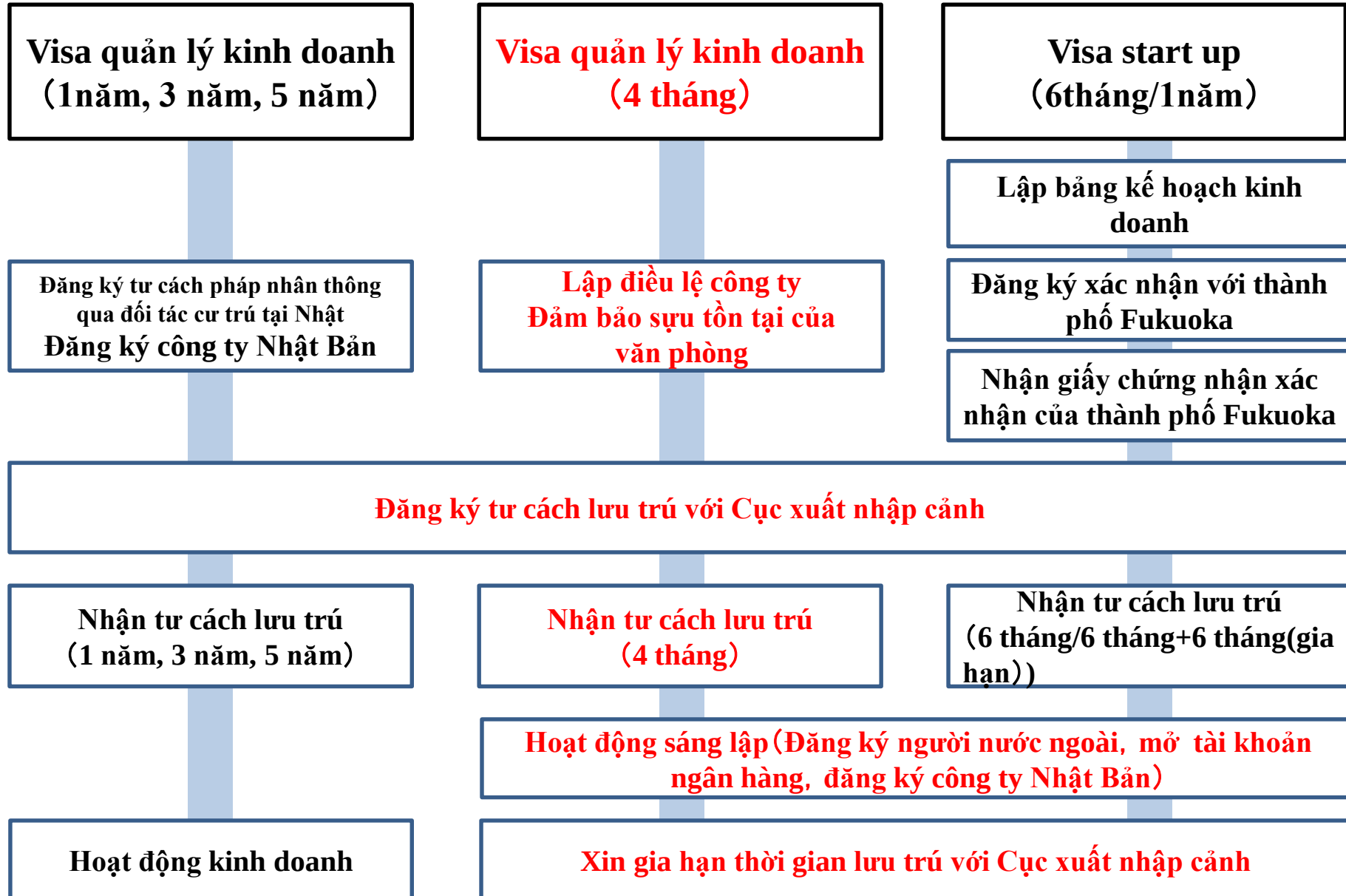
Ít nhất trên 2 người là nhân viên chính thức (※2)

Hoặc

Vốn điều lệ hoặc tổng số vốn đầu tư trên 5 triệu yên

- ※1. Xin lưu ý rằng cũng có những yêu cầu khác ngoài những yêu cầu nêu trên. (Tùy từng trường hợp sẽ có những yêu cầu khác nhau)
- ※2. Người Nhật hoặc đối với nhân viên là người nước ngoài thì chỉ được giới hạn trong các visa sau: vĩnh trú, vợ/chồng của người có visa vĩnh trú, vợ/chồng của người Nhật, định cư.

Trình tự các bước để nhận Visa quản lý kinh doanh



Thuế

【Thuế thu nhập doanh nghiệp】

Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế quốc gia), thuế thu nhập doanh nghiệp địa phương (thuế quốc gia), thuế cư trú doanh nghiệp (thuế địa phương), thuế doanh nghiệp (thuế địa phương), thuế đặc biệt của công ty địa phương (thuế quốc gia)

【Thuế suất hiệu quả(dựa trên thuế suất tiêu chuẩn)】

Năm tài chính Ngày bắt đầu	Doanh nghiệp vừa và nhỏ (※)			Các doanh nghiệp khác ngoài doanh nghiệp vừa và nhỏ
	Số tiền thu nhập chịu thuế Dưới 4 triệu yên	Số tiền thu nhập chịu thuế Từ trên 4 triệu yên đến dưới 8 triệu yên	Số tiền thu nhập chịu thuế Trên 8 triệu yên	
2017/4/1～ 2018/3/31	21.42%	23.20%	33.80%	29.97%
2018/4/1～ 2019/3/31	21.42%	23.20%	33.59%	29.74%
2019/4/1～ 2019/9/30	25.90%	27.58%	33.59%	29.74%

※ Doanh nghiệp vừa và nhỏ: có số vốn dưới 100 triệu yên, số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp dưới 10 triệu yên và số tiền thu nhập dưới 25 triệu yên/năm.

※ Số tiền thu nhập chịu thuế là lợi nhuận trừ đi tổn thất được tính trong năm tài chính.

※ Từ 4/2019 trở đi là tỉ suất tham khảo dựa trên tiền đề xóa bỏ ưu đãi giảm thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Lợi nhuận: toàn bộ doanh số liên quan đến kinh doanh
Tổn thất: chi phí nguyên vật liệu, chi phí cần thiết khác...

Thu nhập-Thời gian lao động

【Ngành viễn thông】 (tỉnh Fukuoka)

		Tổng tiền lương (yên/tháng)			Trung bình thời gian làm việc thực tế (giờ/tháng)		
		Mức lương tiêu chuẩn	Thu nhập ngoài lương	Tổng cộng	Tiêu chuẩn	Tăng ca	Tổng cộng
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	Nam	297,601	34,414	332,016	162.9	16.4	179.3
	Nữ	240,464	30,589	271,053	156.7	16.6	173.3
	Tổng	284,918	33,565	318,483	161.5	16.5	178
Doanh nghiệp lớn	Nam	319,428	38,182	357,609	149.8	18.3	168.1
	Nữ	246,551	20,312	266,863	137.4	9.6	147
	Tổng	296,283	32,506	328,789	145.9	15.5	161.4
Trung bình	Nam	311,404	36,797	348,201	154.6	17.6	172.2
	Nữ	244,951	23,012	267,964	142.5	11.5	154
	Tổng	292,445	32,864	325,309	151.1	15.8	166.9

Nguồn: tham khảo dựa trên tiền lương của tỉnh Fukuoka năm 2018 (thu nhập ở trên không bao gồm tiền thưởng)

Tỉ lệ tham gia bảo hiểm xã hội-lao động

Bảo hiểm	Tỉ lệ tham gia bảo hiểm (tính % theo tổng thu nhập hàng năm)	
	Doanh nghiệp	Người lao động
Bảo hiểm tai nạn lao động	0.35%	—
Bảo hiểm thất nghiệp	0.6%	0.3%
Bảo hiểm sức khỏe	4.95%	4.95%
Bảo hiểm hưu trí	9.15%	9.15%
Đóng góp nuôi dưỡng trẻ	0.29%	—
Tổng	15.340%	14.400%

Support for **Starting Business** **In FUKUOKA**

Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nước ngoài

◆Tư vấn bằng tiếng Anh

◆Giới thiệu chuyên gia

➢ Người tư vấn pháp luật, nhân viên tư pháp

◆Hỗ trợ tìm văn phòng

➢ Giới thiệu công ty bất động sản, cùng đi xem văn phòng

◆Hỗ trợ tuyển dụng

➢ Giới thiệu nhân sự, cơ quan giáo dục

◆Hỗ trợ PR (Đầu tư tại Fukuoka)

➢ Quảng cáo trên báo chí khi đầu tư tại Fukuoka



【Hợp tác với các doanh nghiệp liên quan đến nhân sự】



【Hợp tác với cơ quan giáo dục】

※Ngành IT, ngành content

Đại học Kyushu, khoa khoa học và nghệ thuật
Đại học công nghiệp Kyushu khoa Nghệ thuật
Đại học công nghiệp Kyushu khoa Khoa học thông tin
Đại học công nghiệp Fukuoka khoa công nghệ thông tin
Đại học Fukuoka, khoa thông tin điện tử
Đại học ngắn hạn Kyushu Zokei
Đại học công nghiệp Fukuoka, khoa đại học ngắn hạn, khóa thông tin truyền thông
Cao đẳng thông tin kỹ thuật kinh doanh麻生
Cao đẳng thiết kế Fukuoka, khoa thiết kế sáng tạo
Cao đẳng truyền thông thiết kế Fukuoka
Trường cao đẳng IT-Engineer Fukuoka, khoa kỹ sư
Trường cao đẳng thông tin KSC Fukuoka
Học viện giáo dục máy tính
Trường kỹ thuật số Hollywood Fukuoka
Học viện anime Yoyogi
Trường Human Academic Fukuoka

Hỗ trợ chuyển việc U/I Turn 「Fukuoka Creative Camp」

Dành cho các nhà nghiên cứu phát triển IT-content tại
đô thị

Hỗ trợ chuyển việc **miễn phí** đối với doanh nghiệp
thành phố Fukuoka



Website 「Sutanbai Fukuokashi Tokushu」

「sutanbai」 Top page **1** triệu yên/tháng



「ứng dụng tìm kiếm việc làm của Sutanbai」

Mục tiêu số DL **2~4** nghìn việc (có thể tìm kiếm mọi người)

※ Sau khi bắt đầu phân phối ứng dụng vào ngày 25/7, vượt **1** nghìn DL

Tiền hỗ trợ tại thành phố Fukuoka

Tối đa **68** triệu yên ($\approx$ **14,4** tỉ VND)
(tỉ giá tháng 1/2019) 1JPY=212.35VND

Chi phí thuê văn phòng

Tối đa **15** triệu yên



1/4 chi phí thuê

Tuyển dụng

Tối đa **5** triệu yên



50,000 ~
1,000,000 yên
(1 người)

Chi phí thành lập công ty

Tối đa **3** triệu yên



1/2 chi phí thành
lập

※ Chỉ áp dụng cho mô hình B to B

※ Điều kiện cần: diện tích văn phòng trên 60m², nhân viên chính thức trên 3 người

※ Chỉ các doanh nghiệp liên kết nước ngoài hoặc doanh nghiệp nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Nhật Bản

Fukuoka-thành phố dễ sống

Trên **95%** người nước ngoài sinh sống tại đây đều đánh giá là ”dễ sống”

	Hoạt động chủ yếu
Cung cấp thông tin	Phát bộ “chào mừng” người nước ngoài chuyển đến (phát sổ tay sinh hoạt đa ngôn ngữ), Hội trường quốc tế Fukuoka cung cấp thông tin đa ngôn ngữ (WEB/tạp chí/FM/tạp chí mail)
Dạy tiếng Nhật	Hỗ trợ dạy tiếng Nhật cho người nước ngoài (Lớp học tiếng Nhật được hỗ trợ bởi 55 tình nguyện viên) Dạy tiếng Nhật cho trẻ em (sắp xếp giáo viên phụ trách giảng dạy)
Hỗ trợ sinh hoạt	Tư vấn miễn phí (nói chung, pháp luật, liên quan đến cuộc tịch/nhập cư/lưu trú, tư vấn tâm lý) , Trung tâm hỗ trợ ngoại ngữ về điều trị y tế (24 h , 365ngày) , hướng dẫn đa ngôn ngữ về giao thông công cộng , hỗ trợ trường quốc tế
Thiên tai	Phát sổ tay phòng chống thiên tai, thông báo thông tin qua Facebook/FMradio , Trung tâm hỗ trợ thông tin thường trú dành cho người nước ngoài khi xảy ra thiên tai, biên báo đa ngôn ngữ ở các nơi tránh nạn
Giao lưu, hiểu biết lẫn nhau	(Tham gia vào các sự kiện trong khu vực như là tham gia vào lễ hội bánh gạo), dịch các thông tin hoạt động trong khu vực, cử tình nguyện viên ngôn ngữ đến khu vực,



Fukuoka, Saga, Nagasaki, Kumamoto,
Oita **76.1MHz**
Fukuoka nishi **82.5MHz**
Kitakyushu, Yamaguchi **82.7MHz**





FUKUOKA NEXT